

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22819701] - Trang bị điện trong
máy cắt kim loại (CCQ2414A)

CBGD: Nguyễn Khoa Đồng Khánh (110002)

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

18/01/2025
Đặng Khánh
Đặng Khánh
Đặng Khánh
Đặng Khánh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124140023	Nguyễn Quốc Bảo	01/09/2006	CCQ2414A		Bảo	8,4	9,0	8,8
2	2124140013	Nguyễn Hậu Cảnh	09/06/2006	CCQ2414A		Cảnh	8,6	9,1	8,9
3	2122030131	Lê Thành Công	29/07/2004	CCQ2203D		Công	5,3	2,0	3,3
4	2124140018	Lê Đình Duẩn	29/05/2006	CCQ2414A		Vàng Duẩn	6,1	3,0	4,2
5	2124140020	Vũ Tiến Dũng	21/03/2006	CCQ2414A		Dũng	9,1	9,5	9,3
6	2124140011	Bùi Đức Duy	08/06/2006	CCQ2414A		Vàng			
7	2124140003	Nguyễn Đức Duy	16/11/2001	CCQ2414A		Duy	9,3	9,5	9,4
8	2124140002	Trần Thiện Hoàng	10/08/2006	CCQ2414A		HOÀNG	6,1	1,0	3,0
9	2124140016	Huỳnh Anh Huy	17/09/2006	CCQ2414A		Vàng			
10	2124140015	Trần Bảo Khanh	05/05/2006	CCQ2414A		Khanh	6,1	6,0	6,0
11	2124140014	Tổng Nghĩa Minh	09/07/2006	CCQ2414A		Minh	6,2	2,0	3,7
12	2124140004	Nguyễn Trường Ngoan	01/11/2006	CCQ2414A		Ngoan	7,9	9,4	8,8
13	2124140025	Phùng Hải Nguyên	22/04/2006	CCQ2414A		Nguyên	6,4	5,5	5,9
14	2124140022	Nguyễn Thanh Phong	27/12/2005	CCQ2414A		Phong	6,5	4,5	5,3
15	2124140009	Trần Hữu Phước	16/01/2005	CCQ2414A		Phước	5,9	6,0	6,0
16	2124140021	Ca Toàn Thái	08/01/2006	CCQ2414A		Thái	6,2	4,5	5,2
17	2124140001	Đỗ Minh Thuận	07/07/2006	CCQ2414A		Thuận	8,9	9,2	9,1
18	2124140008	Nguyễn Đình Tiên	12/01/2006	CCQ2414A		Tiên	7,0	6,5	6,7
19	2124140012	Trần Văn Trường	20/10/2006	CCQ2414A		Trường	5,8	2,0	3,5
20	2124140024	Trần Quốc Việt	08/02/2006	CCQ2414A		Việt	4,1	5,0	4,6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22819702] - Trang bị điện trong
máy cắt kim loại (CCQ2414B)

CBGD: Nguyễn Khoa Đồng Khánh (110002)

Số SV có mặt: 15....

Số bài thi: ...15....

Số tờ giấy thi: 15....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124140051	Lý Tiến	Đạt	13/12/2005	CCQ2414B	Vàng			
2	2124140059	Ngô Mạnh	Đạt	02/01/2006	CCQ2414B	Đạt	8,7	9,2	9,0
3	2124140061	Võ Thành	Đạt	04/05/2006	CCQ2414B	Đạt	8,2	9,1	8,7
4	2124140038	Đoàn Duy	Dũ	14/01/2006	CCQ2414B	Dũ	5,2	8,1	6,9
5	2124140039	Trương Thanh	Hiếu	18/09/2006	CCQ2414B	Huỳnh	5,7	6,0	5,9
6	2124140052	Nguyễn Đức	Huy	07/01/2006	CCQ2414B	Huy	8,4	8,3	8,3
7	2124140047	Trương Gia	Huy	09/04/2006	CCQ2414B	Vàng			
8	2124140040	Lê Văn	Khánh	21/01/2006	CCQ2414B	Khánh	5,6	6,5	6,1
9	2124140048	Nguyễn Anh	Khoa	10/02/2005	CCQ2414B	Khoa	8,8	9,3	9,1
10	2124140056	Vũ Tuấn	Kiệt	23/08/2006	CCQ2414B	Kiệt	7,5	7,0	7,2
11	2124140063	Phạm Văn Đức	Phong	14/10/2006	CCQ2414B	Phong	6,3	7,5	7,0
12	2124140064	Lê Bá	Thành	12/03/2006	CCQ2414B	Thành	6,2	6,5	6,4
13	2124140053	Nguyễn Văn	Thành	26/02/2006	CCQ2414B	Vàng			
14	2124140041	Nguyễn Quốc	Thịnh	29/01/2006	CCQ2414B	Vàng			
15	2124140045	Nguyễn Võ Minh	Thông	28/11/2006	CCQ2414B	Thơng	6,2	6,0	6,1
16	2124140043	Phan Quang	Thuy	20/05/2006	CCQ2414B	Thuy	6,7	6,0	6,3
17	2124140037	Nguyễn Minh	Tiến	07/10/2006	CCQ2414B	Tiến	8,2	7,0	7,5
18	2124140044	Phan Thanh	Tuyển	06/04/2006	CCQ2414B	Tuyển	4,2	8,0	6,5
19	2124140036	Đặng Hoàng	Vũ	10/03/2006	CCQ2414B	Vũ	6,6	7,8	7,3
20	2124140062	Nguyễn Văn	Ý	07/01/2006	CCQ2414B	Vàng			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22819704] - Trang bị điện trong
máy cắt kim loại (CCQ2414D)

CBGD: Nguyễn Khoa Đồng Khánh (110002)

Số SV có mặt: 15....

Số bài thi:15....

Số tờ giấy thi: 45....

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124140112	Nguyễn Thành	Đạt	23/06/2005	CCQ2414A			9,2	9,4	9,3
2	2124140108	Phan Hà Chí	Hải	06/06/2006	CCQ2414A			6,2	1,0	3,1
3	2122140046	Ngô Hoàng	Hào	14/06/2003	CCQ2214B					
4	2124140127	Nguyễn Xuân	Hào	31/01/2006	CCQ2414A			6,9	7,5	7,3
5	2122030165	Đinh Văn	Hậu	20/07/2004	CCQ2203E					
6	2124140128	Nguyễn Ngọc	Huân	11/06/2006	CCQ2414A			5,8	4,5	5,0
7	2122110224	Nguyễn Quốc	Hung	09/12/2004	CCQ2214B					
8	2124140129	Huỳnh Châu	Huy	21/11/2006	CCQ2414A			5,8	6,0	5,9
9	2124140110	Lê Tuấn	Kiệt	21/07/2006	CCQ2414B			6,5	8,3	7,6
10	2124140117	Ngô Đại	Nghĩa	16/12/2006	CCQ2414B			8,8	9,0	8,9
11	2121030160	Nguyễn Tấn Trung	Nguyễn	17/04/2002	CCQ2103B					
12	2124140107	Đặng Ngọc	Nhân	13/04/2006	CCQ2414B			8,1	9,0	8,6
13	2121140038	Nguyễn Ngọc	Thắng	07/01/2001	CCQ2114A			6,4	7,0	6,8
14	2124140109	Đặng Tấn	Thành	26/03/2006	CCQ2414C					
15	2124140114	Phạm Đức	Trung	09/08/2006	CCQ2414C			7,4	6,0	6,6
16	2124140121	Hồ Trần Thanh	Tuấn	08/01/2006	CCQ2414C			7,0	4,0	5,2
17	2124140118	Phạm Trọng	Tuấn	02/02/2006	CCQ2414C			9,2	9,4	9,3
18	2124140122	Nguyễn Ngọc	Ứng	21/03/2006	CCQ2414C			6,8	4,0	5,1
19	2122030084	Đặng Ngọc	Vương	12/08/2004	CCQ2203G			4,8	1,0	2,5
20	2124140124	Trần Hùng Chí	Vỹ	12/05/2006	CCQ2414C			8,3	8,0	8,1